TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Hạnh**

2/ Bà **Nguyễn Thị Hương Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huệ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện C.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà **Trương Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2019 về việc: "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu A** - Sinh năm: 1972
Địa chỉ: thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đình T** - Sinh năm: 1972
Địa chỉ: thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2019, bản tự khai ngày 05/6/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Thu A trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà A và ông Nguyễn Đình T sống chung với nhau từ năm 1992 nhưng đến năm 1999 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 quyển số 01ngày 01/01/1999.

Quá trình chung sống: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà A, ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi, ẩu đả nhau. Nguyên nhân là do ông T ghen tuông vô cớ, nhiều lần gây sự đánh đập, đốt quần áo của bà A và đuổi bà A ra khỏi nhà. Bà A đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông T vẫn không thay đổi làm cho tình trạng vợ chồng ngày càng căng thẳng. Gần một năm trở lại đây, vợ chồng bà A, ông T đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay bà A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn để

tiếp tục chung sống cùng nhau được nên bà A yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà A và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hữu A sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Bảo N sinh năm 2001. Hiện nay, anh A, chị N đã đủ 18 tuổi và đều khỏe mạnh nên bà A không yêu cầu về việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2019, bị đơn Nguyễn Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Nguyễn Thị Thu A kết hôn với nhau năm 1999 và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 quyển số 01ngày 01/01/1999.

Quá trình chung sống: Trước đây, vợ chồng ông T, bà A sống cũng bình thường, không có mâu thuẫn gì, nhưng khoảng hơn một năm trở lại đây thì vợ chồng ông T, bà A xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Nguyên nhân là do bà A ra ngoài làm ăn và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Hơn một năm trở lại đây, vợ chồng ông đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Do ông T là người Công giáo nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà A có 02 con chung là Nguyễn Hữu A sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Bảo N sinh năm 2001. Hiện nay, anh A, chị N đã đủ 18 tuổi và đều khỏe mạnh nên ông T không yêu cầu về việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 29/3/2019, bà Nguyễn Thị Thu A có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đình T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Đình T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu ly hôn*: Bà Nguyễn Thị Thu A và ông Nguyễn Đình T tự nguyện kết hôn với nhau năm 1999 và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 quyển số 01ngày 01/01/1999, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà A và ông T đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ẩu đả nhau. Nguyên nhân là do ông T ghen tuông vô cớ, nhiều lần gây sự đánh đập, đốt quần áo của bà A và đuổi bà A ra khỏi nhà. Ông T cũng thừa nhận hơn một năm trở lại đây vợ chồng ông thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Ông T không đồng ý ly hôn vì ông là người theo đạo Thiên Chúa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu A là có căn cứ.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Bà A và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hữu A sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Bảo N sinh năm 2001. Hiện nay, anh A, chị N đã đủ 18 tuổi và đều khỏe mạnh, bà A không yêu cầu về việc nuôi con và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Bà A, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Bà A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu A được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu A và ông Nguyễn Đình T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Thu A và ông Nguyễn Đình T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0007575 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; bà Nguyễn Thị Thu A đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm